TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/HNGĐ–ST
Ngày: 27/08/2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Hữu Tấn.
2. Ông Lê Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 08 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2018/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị R , sinh năm 1972.

Địa chỉ: số 47/27 khóm TP, phường MQ, thành phố LX, tỉnh AG (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: số 47/27 khóm TP, phường MQ, thành phố LX, tỉnh AG (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2018, bổ sung ngày 03 tháng 4 năm 2018, trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị R trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn N do tự tìm hiểu, quen biết, sau đó chung sống với nhau từ năm 1993, không được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, chỉ tổ chức lễ Thú phạt vào năm 1993. Đến ngày 19 tháng 6 năm 2009 ông N và bà R đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 66/KH.MQ. Hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Trong thời gian sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông N không chăm lo lao động, lo lắng cho gia đình, vợ con. Nay bà R nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn do ông N không quan tâm chăm sóc, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, chỉ riêng bản thân bà R lao động chăm lo cho gia đình, nuôi dạy các con trong thời gian qua nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông N.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn N có ba con chung tên Nguyên Thị L, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1996 (nữ), Nguyễn Thị L, sinh ngày 23 tháng 6 năm 1999 (nữ) và Nguyễn Thị L, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2004

(nữ). Bà R yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị L . Bà R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung do hiện nay bà R có việc làm ổn định, có thu nhập đủ lo cho bản thân và con sinh sống. Đối với con chung tên là L và L hiện nay đã có chồng, ra ở riêng, không phụ thuộc cha mẹ nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng bà R và ông N có tài sản chung là căn nhà nhưng bà yêu cầu được tự thỏa thuận với ông N nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng có nợ chung nhưng bà R yêu cầu được tự thỏa thuận giải quyết với ông N nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn N vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa: Bà R giữa nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bà R tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân và gia đình, sau khi kết hôn giữa bà R và ông N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do ông N không làm ăn chăm lo cho gia đình, có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Quá trình giải quyết vụ án, ông N không tham gia hòa giải điều này đã cho thấy ông N không quan tâm hàn gắn tình cảm vợ chồng và Tòa án đã nhiều lần động viên bà R nhưng bà vẫn quyết tâm xin ly hôn với ông N . Xét mâu thuẫn giữa bà R và ông N đi đến trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà R đối với ông N . Về con chung: Bà R yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị L. Hiện nay cháu L đang sống chung với bà R, được chăm sóc nuôi dưỡng tốt, có nơi ở ổn định. Bà R trình bày có điều kiện tốt để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Riêng hai con chung tên L và L đã thành niên, có cuộc sống ổn định riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, để bảo đảm ổn định về tinh thần và quyền lợi về mọi mặc cho con chung thì cần thiết giao con chung tên Nguyễn Thị L cho bà R trực tiếp nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung bà R không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho ông Nguyễn Văn N nhưng ông không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều

227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Rvà ông Nguyễn Văn N kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 66/KH-MQ, ngày 19 tháng 6 năm 2009, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay, bà R và ông N phát sinh mâu thuẫn, bà Rớt xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, ông N không quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ con và đã ly thân năm 2015 đến nay. Trong thời gian sống chung bà R luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

[4] Xét, hôn nhân giữa bà R và ông N mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, bà R không còn tình cảm với ông N, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình, chăm lo con cái. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ông N vắng mặt, không trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà R tức là ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của ông đã được pháp luật quy định nên không có căn cứ xét yêu cầu của ông N. Do đó, chấp nhận yêu cầu cùa bà R được ly hôn với ông N.

[5] Về quan hệ con chung: Bà R và ông N có 03 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1996, Nguyễn Thị L, sinh ngày 23 tháng 6 năm 1999 và Nguyễn Thị L, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2004. Hiện nay, hai con chung tên L, L đã thành niên, có gia đình và có cuộc sống riêng, không phụ thuộc vào cha mẹ nên không xem xét giải quyết. Riêng cháu L đang sống ổn định với bà R , được bà R chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Cháu L có lời khai trình bày nguyện vọng sống chung với bà R. Việc cháu Liên sống chung với bà R, ông N không có ý kiến. Do đó, xét cần thiết phải giao con chung tên Nguyễn Thị L cho bà R trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu L được quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của bà R được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà R không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, nếu có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác nếu có.

[6] Trong thời gian sống chung vợ chồng, bà R xác định giữa bà và ông N có tài sản chung nhưng bà R yêu cầu được tự thỏa thuận với ông N nên không yêu cầu xem xét giải quyết nên không xét đến.

[7] Về quan hệ nợ chung, trong thời gian sống chung vợ chồng có nợ chung nhưng bà R yêu cầu tự giải quyết, thỏa thuận với ông N nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác, nên không xét đến.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà R được ly hôn với ông N. Về con chung, bà R được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, bà R không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung, bà R yêu cầu tự thỏa thuận với ông N nên không xem xét.

[9] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà R nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng:

Điều 8, Điều 9, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị R được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn N có ba con chung tên: Nguyễn Thị L, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1996; Nguyễn Thị L, sinh ngày 23 tháng 6 năm 1999 và Nguyễn Thị L, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2004.

Đối với con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1996 và Nguyễn Thị L, sinh ngày 23 tháng 6 năm 1999. Con chung đã thành niên, có gia đình riêng và có cuộc sống ổn định nên không xem xét, giải quyết.

Đối với con chung Nguyễn Thị L, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2004. Giao cho bà Nguyễn Thị R được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Văn N không cấp dưỡng nuôi con chung do bà R không yêu cầu. Bà R phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông N được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn N có tài sản chung, nợ chung nhưng bà R yêu cầu tự thỏa thuận với ông N. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị R nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007335, ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị R được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của ông N.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

-Các đương sự;
-VKSND TPLX;
-Lưu hồ sơ vụ án./.

Trần Văn Phương